CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 092/EB/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

Địa chỉ: Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028.39958368 Fax: 028.39958423

Mã số doanh nghiệp: 0105696842

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **PHÔ MAI DÊ - MPX**
2. Thành phần: Sữa dê thanh trùng, protein sữa dê, kem sữa dê thanh trùng, muối, men lactic, rennet dê hoặc chất đông tụ từ vi sinh vật.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 48 ngày kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
   - Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 150 g hoặc khối lượng khác theo nhu cầu khách hàng.
   - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được chứa trực tiếp trong hũ nhựa có nắp đậy.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (sản phẩm nhập khẩu): LAITERIES H. TRIBALLAT - Route des Malvettes, 18220 Rians, France (Pháp).

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa và 111/2021/NĐ-CP Nghị định về Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP nhãn hàng hóa).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. **Chỉ tiêu lý hóa:** theo QCVN 5-3:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm phomat.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức quy định
1	Hàm lượng chất béo sữa, tính theo chất khô	%	Từ 25 đến dưới 45

2. **Chỉ tiêu độc tố vi nấm:** theo QCVN 5-3:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm phomat.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5

3. **Chỉ tiêu kim loại nặng**: theo QCVN 5-3:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm phomat.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Chì (Pb)	mg/kg	0,02

4. **Chỉ tiêu vi sinh vật**: theo QCVN 5-3:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm phomat.

Stt	Tên chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép			
		n	c	m	M
1	*Staphylococci* dương tính với coagulase	5	2	10 CFU/g	100 CFU/g
2	*Listeria monocytogenes*	5	0	100 CFU/g	

Trong đó:

- n: số đơn vị mẫu được lấy từ lô hàng cần kiểm tra.
- c: số đơn vị mẫu tối đa có kết quả nằm giữa m và M, tổng số mẫu có kết quả nằm giữa m và M vượt quá c là không đạt.
- m: là mức giới hạn mà các kết quả không vượt quá mức này là đạt, nếu các kết quả vượt quá mức này thì có thể đạt hoặc không đạt.
- M: là mức giới hạn tối đa mà không mẫu nào được phép vượt quá.

5. **Chỉ tiêu dư lượng thuốc thú y và thuốc bảo vệ thực vật:** theo QCVN 5-3:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm phomat.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Benzylpenicilin/Procain benzylpenicilin	µg/kg	4
2	Clortetracyclin/Oxytetracyclin/ Tetracyclin	µg/kg	100
3	Dihydrostreptomycin/Streptomycin	µg/kg	200
4	Gentamicin	µg/kg	200
5	Spiramycin	µg/kg	200
6	Endosulfan	mg/kg	0,01
7	Aldrin và dieldrin	mg/kg	0,15
8	Cyfluthrin	mg/kg	1,0
9	DDT	mg/kg	0,5

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

LÊ THỊ MINH TRANG

Giám Đốc Chất lượng và Vệ sinh ATTP Toàn Quốc

THÔNG TIN NHÃN PHỤ

PHÔ MAI DÊ – MPX

Thành phần: Sữa dê thanh trùng, protein sữa dê, kem sữa dê thanh trùng, muối, men lactic, rennet dê hoặc chất đông tụ từ vi sinh vật.

Thông tin dinh dưỡng: Thành phần dinh dưỡng trên 100 g: Giá trị năng lượng 158 kcal (8%); Chất đạm 9,6 g (14%); Carbohydrate 3 g (1%); Đường tổng số 3 g (6%); Chất béo 12 g (21%); Chất béo bão hòa 8 g (40%); Natri 511 mg (26%).

Khối lượng tịnh: 150 g

Dùng trực tiếp hoặc chế biến món ăn. Bảo quản lạnh ở nhiệt độ từ 0 °C đến 6 °C. Sau khi mở bao bì, bảo quản lạnh và sử dụng trong vòng 3 ngày.

Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng:

Sản xuất bởi: LAITERIES H. TRIBALLAT - Route des Malvettes, 18220 Rians, France (Pháp).

Nhập khẩu và phân phối bởi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB, 163 Phan Đăng Lưu, P. 1, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cảnh báo: Cân nhắc khi sử dụng nếu dị ứng với sữa.

Số TCB: 092/EB/2023

Ngày 22 tháng 02 năm 2023

LÊ THỊ MINH TRANG
Giám Đốc Chất Lượng và
Vệ Sinh ATTP Toàn Quốc

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB
M.S.D.N: 0105696842-C.T.T.N.H.H
Q. PHÚ NHUẬN - T.P HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB
M.S.D.N: 0105696842-C.
Q. PHÚ NHUẬN - T.P HỒ

SERVICE CLIENTS MONOPRIX

0 800 08 4000

Service & appel gratuits

Distribué par MONOPRIX EXPLOITATION
92116 Clichy Cedex www.monoprix.fr

FROMAGE DE CHÈVRE AU LAIT PASTEURISÉ

CONDITIONS DE CONSERVATION :

A conserver entre +0°C et +6°C. Après ouverture, à conserver au réfrigérateur et à consommer dans les 3 jours.

A consommer de préférence avant le / N° de lot : voir ci-contre.

POIDS NET : 150 g

EMB 18194J ID=B4

FR 18.194.050 CE

3 350030 102593

A25689-03

MONOPRIX

PHÔ MAI DÊ – MPX

150 GRAM

KHÁ ÍT NẾU BẠN ĐANG QUÁ ĐÓI

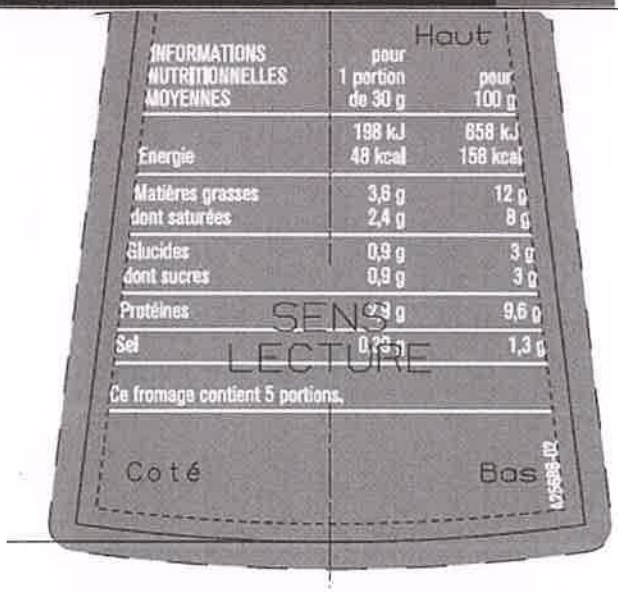

THÔNG TIN DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH	Mỗi 1 phần 30 g	Mỗi 100 g
Năng lượng	198 kJ 48 kcal	658 kJ 158 kcal
Chất béo	3,6 g	12 g
trong đó chất béo bão hoà	2,4 g	8 g
Carbohydrate	0,9 g	3 g
trong đó đường	0,9 g	3 g
Protein	2,9 g	9,6 g
Muối	0,30 g	1,3 g
Sản phẩm này chứa khoảng 5 phần.		

A25688-02

PHÔ MAI DÊ
LÀM TỪ SỮA THANH TRÙNG

Phô mai dê nguyên chất này có thể ăn bất cứ lúc nào trong ngày. Bao bì tiện lợi này giúp giữ được tất cả các hương vị của phô mai, ngay cả sau khi mở. Lấy ra khỏi tủ lạnh ngay trước khi sử dụng và đặt lại vào bao bì sau mỗi lần sử dụng.

THÀNH PHẦN:

Sữa dê thanh trùng (nguồn gốc: Pháp) – protein ***sữa*** dê – kem ***sữa*** dê thanh trùng (nguồn gốc: Châu Âu) – muối – men lactic (có chứa ***sữa***) – rennet dê hoặc chất đông tụ vi sinh vật. Thông tin ***in đậm*** dành cho những người không dung nạp hoặc dị ứng.

HÃY PHÂN LOẠI RÁC! Hũ nhựa, nắp nhựa và màng seal dùng 1 lần

Hướng dẫn có thể thay đổi theo từng địa phương
> www.consignesdetri.fr
Chỉ có hiệu lực tại Pháp.

SERVICE CLIENTS MONOPRIX 0 800 08 4000 Service & appel gratuits Distribué par MONOPRIX EXPLOITATION 92116 Clichy Cedex www.monoprix.fr	DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG 0 800 08 4000 Cuộc gọi miễn phí từ điện thoại cố định Phân phối bởi **MONOPRIX EXPLOITATION** 92116 Clichy Cedex www.monoprix.fr
FROMAGE DE CHÈVRE AU LAIT PASTEURISÉ **CONDITIONS DE CONSERVATION :** A conserver entre +0°C et +6°C. Après ouverture, à conserver au réfrigérateur et à consommer dans les 3 jours.	PHÔ MAI DÊ LÀM TỪ SỮA THANH TRÙNG ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN Bảo quản ở nhiệt độ 0°C đến 6°C Sau khi mở, bảo quản trong tủ lạnh và sử dụng trong vòng 3 ngày
A consommer de préférence avant le / N° de lot : voir ci-contre. **POIDS NET : 150 g** EMB 18194J ID=B4 FR 18.194.050 CE	Hạn sử dụng/Số lô: xem mặt đối diện Khối lượng tịnh: 150 g EMB 18194J ID = B4

Tôi **Đinh Nguyễn Thị Sương** Giấy Căn cước công dân số 054191009351, cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ tiếng Pháp sang tiếng Việt

Ngày 03 tháng 03 năm 2023

Người dịch

Đinh Nguyễn Thị Sương

Ngày 03 tháng 03 năm 2023

(Bằng chữ : Ngày ba tháng ba năm hai nghìn không trăm hai mươi ba)

Tại Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Tôi Nguyễn Thanh Bạch, là Trưởng phòng Tư pháp

CHỨNG THỰC

Bà **Đinh Nguyễn Thị Sương** là người đã ký vào bản dịch này ~~trước mặt tôi~~.

Số chứng thực : 031546

Quyển số 01 - SCT/CKND

Ngày 03 tháng 03 năm 2023

Trưởng phòng Tư pháp quận Phú Nhuận

CỘNG HÒA ... PHÒNG TƯ PHÁP Q. PHÚ NHUẬN ... HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thanh Bạch

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

VLAT 1.0322
ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1230200392-5

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : 163 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 08/02/2023
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 08/02/2023
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 14/02/2023
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **PHÔ MAI DÊ - MPX**
7. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong bao bì kín
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.*

Trang/ *Page No*: 2/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1230200392-5

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	LS	Béo sữa (tính trên chất khô) / Milk fat (calculated on dry matter)	42.8	%	-	TS-KT-HCB-018:2018 (Ref, TCVN 7084:2010)
2	LS	Aflatoxin M_1 (*) / Aflatoxin M_1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.008	TS-KT-SK-39:2018 (Ref. TCVN 6685:2009)
3	LS	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
4	LS	Staphylococci dương tính với coagulase (*) / Coagulase-positive staphylococci (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4830-1:2005 (ISO 6888-1:1999, AMD1:2003)
5	LS	Listeria monocytogenes (*) / Listeria monocytogenes (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	ISO 11290-2:2017
6	LS	Penicillin G (Benzylpenicillin) (*) / Penicillin G (Benzylpenicillin) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	1.7	TS-KT-SK-114 (CLG-BLAC.03)
7	LS	Penicillin G procaine (Procaine benzylpenicillin) / Penicillin G procaine (Procaine benzylpenicillin)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	10	TS-KT-SK-114:2020
8	LS	Chlortetracycline (*) / Chlortetracycline (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.5	TS-KT-SK-08:2019 (Ref. AOAC 995.09)
9	LS	Oxytetracycline (*) / Oxytetracycline (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.5	TS-KT-SK-08:2019 (Ref. AOAC 995.09)
10	LS	Tetracycline (*) / Tetracycline (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.5	TS-KT-SK-08:2019 (Ref. AOAC 995.09)
11	LS	Dihydrostreptomycin / Dihydrostreptomycin	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	50	TS-KT-SK-86:2020
12	LS	Streptomycin / Streptomycin	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	10	TS-KT-SK-56:2018
13	LS	Gentamicin / Gentamicin	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	50	TS-KT-SK-86:2020
14	LS	Spiramycin (*) / Spiramycin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	3	TS-KT-SK-86
15	LS	Endosulfan (tổng của endosulfan I, endosulfan II và endosulfan sulfate quy về endosulfan) / Endosulfan (sum of endosulfan I, endosulfan II and endosulfan sulfate expressed as endosulfan)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.01	TS-KT-SK-14:2020
16	LS	Aldrin và dieldrin (HHDN+HEOD) / Aldrin and dieldrin (HHDN+HEOD)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1230200392-5

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
17	LS	Cyfluthrin sum (*) / Cyfluthrin sum (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020
18	LS	DDT (tổng p,p´-DDT, o,p´-DDT, p,p´-DDE, p,p´-TDE) / DDT (sum p,p´-DDT, o,p´-DDT, p,p´-DDE, p,p´-TDE)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.01	TS-KT-SK-14:2020

Chú thích/ *Remarks*:

1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT TECHNICAL MANAGER	GIÁM ĐỐC DIRECTOR
NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN	ĐOÀN HỮU LƯỢNG

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
M.S.D.N: 0314212616 - C.T.T.N.H.H
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.*